

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 31 tháng 03, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading





- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	BWE	30/03/2026	42.75	710.300	227.637	3.12
2	QTP	30/03/2026	13.4	2.858.200	1.120.420	2.55
3	REE	30/03/2026	70	3.175.200	1.320.250	2.4
4	HHS	30/03/2026	13.55	5.650.200	2.452.263	2.3
5	GEE	30/03/2026	184.6	1.862.700	864.357	2.16
6	TCO	30/03/2026	14	931.200	483.017	1.93
7	PDR	30/03/2026	16.6	17.824.400	10.046.513	1.77
8	KBC	30/03/2026	31.8	7.130.700	4.280.360	1.67
9	MIG	30/03/2026	19.8	605.000	370.683	1.63
10	PAN	30/03/2026	31.75	2.199.000	1.358.320	1.62
11	HDC	30/03/2026	19.05	4.830.300	3.131.433	1.54
12	CII	30/03/2026	18.3	21.696.100	14.127.230	1.54
13	PPC	30/03/2026	10.75	1.173.200	763.473	1.54
14	GEG	30/03/2026	16.9	3.053.600	2.017.077	1.51
15	FOX	30/03/2026	87.2	656.200	437.363	1.5
16	VGS	30/03/2026	24.5	780.400	566.550	1.38
17	SBT	30/03/2026	22.8	781.200	571.570	1.37
18	TTA	30/03/2026	12.1	925.300	673.330	1.37
19	AGG	30/03/2026	12.9	591.000	444.933	1.33
20	SHB	30/03/2026	15.45	85.561.280	64.705.952	1.32
21	HAG	30/03/2026	16.4	7.266.300	5.543.537	1.31
22	PAC	30/03/2026	26.75	1.253.600	960.870	1.3
23	FRT	30/03/2026	158	630.300	497.073	1.27
24	VPI	30/03/2026	57.5	2.680.200	2.121.160	1.26
25	HHP	30/03/2026	13.4	1.437.900	1.166.613	1.23
26	SIP	30/03/2026	60	583.500	494.177	1.18
27	TCH	30/03/2026	16.35	10.710.200	9.275.197	1.15



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	CTD	30/03/2026	84	829.740	53.72	79.06	6.24
2	DGW	30/03/2026	45.8	1.910.060	52.41	43.57	5.11
3	DPR	30/03/2026	40.55	571.000	49.76	38.85	4.39
4	DRI	30/03/2026	12.9	630.560	49.06	12.5	3.18
5	HAG	30/03/2026	16.4	6.020.840	60.17	16.2	2.38
6	HDB	30/03/2026	25.2	13.407.470	43.92	24.04	4.85
7	HDG	30/03/2026	29.3	4.055.790	56.36	28.53	2.69
8	HPG	30/03/2026	26.9	32.663.070	51.22	26.72	0.66
9	HUT	30/03/2026	17.1	3.086.930	59.15	16.39	4.31
10	KOS	30/03/2026	39.05	525.960	70.84	38.65	01.04
11	MBB	30/03/2026	25.75	14.377.760	43.94	24.75	04.04
12	MWG	30/03/2026	80.8	7.613.690	46.05	78.74	2.61
13	PAN	30/03/2026	31.75	1.189.450	55.27	30.3	4.77
14	PLX	30/03/2026	41.4	5.733.220	36.75	40.41	2.46
15	POW	30/03/2026	13.5	12.684.490	44.59	12.58	3.77
16	PPC	30/03/2026	10.75	1.284.080	55.4	10.29	4.51
17	PVP	30/03/2026	15.05	531.890	45.94	14.57	3.32
18	VHC	30/03/2026	59.3	632.500	49.47	57.35	3.41
19	VHM	30/03/2026	103	4.110.400	52.59	100.72	2.26
20	VJC	30/03/2026	157.1	1.338.020	45.01	154.6	1.62
21	VPI	30/03/2026	57.5	2.415.000	49.55	55.75	3.14



Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ABB	14.6	14.4	907.280
2	DXS	7.23	6.76	2203760
3	TCO	14	13.9	649.260

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	AAV	7.7	7.1	1.066.700
2	HHS	13.55	13.45	3.169.610
3	HNM	8.1	8.1	450020

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	DGC	49.1	51.7	8.109.350
2	GCF	21.7	21.8	80.940
3	LAI	11.2	11.5	19.160
4	PPT	15.3	15.4	210.630
5	SCG	63.2	63.6	21.530
6	STK	14	14.5	28.640
7	TVS	13.1	13.15	130.800
8	VPX	28.9	29.15	1.968.510
9	VVS	115.8	119.6	293.880

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	DGC	49.1	48.25	8.109.350
2	GCF	21.7	21	80940
3	LAI	11.2	11	19.160
4	PPT	15.3	15.1	210.630
5	SCG	63.2	63.1	21530
6	TVS	13.1	12.8	130.800
7	VPG	4.24	4.23	132.360
8	VPX	28.9	27.15	1.968.510
9	VVS	115.8	111.3	293.880



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	DLG	2.92	2.83	1.464.860
2	HPG	26.9	26.72	32.663.070
3	PAN	31.75	30.3	1189450

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	HHP	13.4	13.38	1.112.250
2	HPG	26.9	26.67	32.663.070
3	KBC	31.8	30.82	5329230
4	MSN	74.8	73.26	6.153.680
5	PAN	31.75	31.33	1.189.450
7	VHC	59.3	59.08	632500
8	VJC	157.1	156.57	1338020

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	DLG	2.92	2.91	1.464.860
2	GEE	184.6	174.96	1.091.420
3	HAG	16.4	16.33	6020840
4	HID	5.35	05.06	721.230
5	PAN	31.75	30.72	1.189.450



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CRC	9.7	9.87	4.349.450
2	CTG	34.05	34.41	8.773.330
3	ORS	13	13.14	2214490
4	VGT	12.1	12.28	1.493.300
5	VNM	60.6	60.83	3.884.790
6	VSC	23.3	23.59	4.873.660

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	VCI	26.15	26.66	11.926.880
2	VSC	23.3	23.42	4.873.660

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AGG	12.9	13.06	576.970
2	CTG	34.05	34.52	8.773.330
3	SHS	16.7	16.78	16531830
4	TIG	7.1	7.22	1.406.950
5	VIX	16.35	16.62	30.278.060



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SCG	30/03/2026	63.2	63.1	65.6	3.96	21,540
2	PPT	30/03/2026	15.3	15.1	15.7	3.97	192,740
3	SJD	30/03/2026	13.95	13.7	14.25	04.01	105,560
4	SSB	30/03/2026	16.9	16.3	17	4.29	1,921,420
5	VTZ	30/03/2026	19.9	19.7	20.6	4.57	1,133,080
6	SBG	30/03/2026	11.6	11.35	11.9	4.85	20,540
7	SBB	30/03/2026	16	15.4	16.2	5.19	8,220
8	ODE	30/03/2026	44.1	43.8	46.3	5.71	17,800
9	MCM	30/03/2026	25.5	25	26.45	5.8	12,480
10	MSB	30/03/2026	11.35	10.9	11.55	5.96	4,956,900
11	BAF	30/03/2026	34.75	33.5	35.5	5.97	2,266,000
12	VSH	30/03/2026	43.1	42	44.6	6.19	11,000
13	OCB	30/03/2026	11.15	10.6	11.3	6.6	1,331,280
14	GDT	30/03/2026	19.2	18.75	20.23	7.89	5,880
15	ADP	30/03/2026	22.8	22.4	24.2	8.4	7,560
16	TAL	30/03/2026	44.7	41.55	45	8.3	217,020
17	VAB	30/03/2026	10.5	9.5	10.3	8.42	203,020
18	VLS	30/03/2026	16.4	16.2	17.6	8.64	5,980
19	PGB	30/03/2026	12	11.5	12.5	8.7	12,380
20	CLH	30/03/2026	22.3	20.9	22.8	09.09	9,260
21	GIC	30/03/2026	10.2	9.8	10.7	9.18	11,900
22	TBC	30/03/2026	35.25	34.7	37.9	9.22	5,200
23	SBA	30/03/2026	28.7	27.6	30.2	9.42	9,120
24	RYG	30/03/2026	11.25	10.3	11.3	9.71	196,580
25	TNH	30/03/2026	10.15	9.98	10.95	9.72	82,380



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009